

Số: 09/BC-HĐTĐ

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2017

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án Hồ chứa nước Đồng Mít, tỉnh Bình Định

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Hội đồng thẩm định liên ngành (Hội đồng) nhận được Tờ trình số 10538/TTr-BNN-XD ngày 12/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án hồ chứa nước Đồng Mít, tỉnh Bình Định và hồ sơ kèm theo. Sau khi xem xét, tổng hợp ý kiến và thẩm định, Hội đồng báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án hồ chứa nước Đồng Mít, tỉnh Bình Định như sau:

Phần thứ nhất

TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH VÀ TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

I. HỒ SƠ TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH

1. Tờ trình số 10538/TTr-BNN-XD ngày 12/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
2. Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án do Tổng công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam – CTCP lập.
3. Báo cáo thẩm định nội bộ số 1967/BC-XD-TĐ ngày 08/12/2016 của Cục Quản lý xây dựng công trình – Bộ Nông nghiệp và PTNT.
4. Báo cáo thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn số/BKH&ĐT-TĐ ngày /3/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ THẨM ĐỊNH

1. Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/06/2014, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13, Luật Đất đai số 45/2013/QH13; Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13;
2. Các nghị định của Chính phủ: số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
3. Các quyết định của Bộ Nông nghiệp và PTNT: số 3282/QĐ-BNN-XD ngày 10/8/2016 về việc giao Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 6 thực hiện chức năng, nhiệm vụ chủ đầu tư dự án Hồ chứa nước Đồng Mít giai đoạn

chuẩn bị dự án (Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và báo cáo nghiên cứu khả thi); số 464/QĐ-BNN-KH ngày 23/02/2017 thành lập Hội đồng thẩm định liên ngành thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án Hồ chứa nước Đồng Mít, tỉnh Bình Định.

4. Các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn hiện hành.

III. TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

1. Đơn vị chủ trì thẩm định: Hội đồng thẩm định liên ngành được thành lập theo Quyết định số 464/QĐ-BNN-KH ngày 23/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Đơn vị phối hợp thẩm định: Không.

3. Hình thức thẩm định: Thực hiện Quyết định số 01/QĐ-HĐTĐLN ngày 02/3/2017 của Hội đồng thẩm định liên ngành về Quy chế làm việc và Kế hoạch thẩm định.

Phần thứ hai

Ý KIẾN THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

I. MÔ TẢ THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Hồ chứa nước Đồng Mít, tỉnh Bình Định.
2. Dự án nhóm: Dự án nhóm A; Loại công trình: Nông nghiệp và PTNT; Cấp công trình: cấp 1.
3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: Thủ tướng Chính phủ.
4. Cấp quyết định đầu tư: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
5. Chủ đầu tư: Ban Quản lý đầu tư và xây dựng thủy lợi 6.
6. Địa điểm xây dựng: huyện An Lão, tỉnh Bình Định.
7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 2.142.996.000.000 đồng.
(Hai nghìn một trăm bốn mươi hai tỷ, chín trăm chín mươi sáu triệu đồng).
8. Nguồn vốn đầu tư: Trái phiếu Chính phủ và các nguồn vốn hợp pháp khác.
9. Nguồn vốn đề nghị thẩm định: Trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2017-2020.
10. Ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn đề nghị thẩm định: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
11. Thời gian thực hiện: từ năm 2017-2021.
12. Hình thức đầu tư của dự án: xây dựng mới.

II. QUÁ TRÌNH THẨM ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG

Thực hiện Quyết định số 01/QĐ-HĐTĐLN ngày 02/3/2017 của Hội đồng thẩm định liên ngành về Quy chế làm việc và Kế hoạch thẩm định, Hội đồng đã tổ chức thực hiện một số nội dung sau:

- Ngày 01/3/2017, Hội đồng thẩm định liên ngành tổ chức phiên họp lần

thứ nhất nghe chủ đầu tư giới thiệu về Dự án và thông qua quy chế, kế hoạch thẩm định.

- Ngày 04/3/2017, Hội đồng tổ chức đi kiểm tra thực địa vùng tuyến công trình đầu môi, lòng hồ và khu vực hưởng lợi của Dự án.

- Ngày 14/3/2017, Hội đồng tổ chức phiên họp lần thứ 2 nghe chủ đầu tư, tư vấn báo cáo, giải trình về nội dung Dự án. Hội đồng đã có ý kiến để chủ đầu tư, tư vấn tiếp tục làm rõ, bổ sung hoàn thiện hồ sơ (Thông báo ý kiến cuộc họp tại văn bản số 04/HĐTD ngày 15/3/2017).

- Ngày 23/3/2017, Hội đồng tổ chức phiên họp lần thứ 3 nghe chủ đầu tư, tư vấn báo cáo giải trình ý kiến góp ý của các thành viên Hội đồng và xem xét dự thảo báo cáo thẩm định. Sau khi nghe chủ đầu tư, tư vấn báo cáo giải trình, Hội đồng đã thảo luận, bỏ phiếu thông qua Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, kết quả như sau:

+ 03/17 phiếu Đạt, không cần bổ sung chỉnh sửa.

+ 14/17 phiếu Đạt, cần bổ sung chỉnh sửa một số nội dung hoặc cần lưu ý, hoàn chỉnh trong giai đoạn sau.

+ 0/17 phiếu không Đạt, cần chuẩn bị lại.

Nội dung cần bổ sung, chỉnh sửa hoặc cần lưu ý hoàn chỉnh trong giai đoạn sau: chi tiết tại Biên bản họp Hội đồng ngày 23/3/2017 kèm theo.

- Về nội dung Báo cáo thẩm định do tổ thư ký dự thảo: Hội đồng thống nhất, tuy nhiên cần cập nhật thêm một số ý kiến của các thành viên hội đồng về sự cần thiết đầu tư và các vấn đề lưu ý cho giai đoạn sau để hoàn thiện.

III. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG

1. Về sự cần thiết đầu tư của Dự án:

An Lão, Hoài Ân, Hoài Nhơn và Phù Mỹ là 04 huyện phía Bắc của tỉnh Bình Định (trong đó An Lão là một trong 61 huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ), dân số vùng dự án chủ yếu sống bằng nghề làm ruộng, cơ sở vật chất còn nhiều thiếu thốn, đời sống còn gặp nhiều khó khăn do diện tích đất sản xuất nhỏ, thiếu nguồn nước nên đất đai canh tác bị hạn hán, năng suất, sản lượng cây trồng thấp.

Theo quy hoạch cấp nước tỉnh Bình Định đến năm 2010 tầm nhìn đến năm 2020 (Quyết định số 807/QĐ-UBND ngày 17/11/2006), tiểu vùng Bắc sông Lại Giang có khoảng 12.000 ha đất nông nghiệp, trong đó đất canh tác hàng năm khoảng 6.700 ha, các công trình thủy lợi hiện có trong khu vực gồm 12 hồ chứa nhỏ, 11 đập dâng và 3 trạm bơm trên sông tưới được khoảng 3.200 ha. Sau khi đã đầu tư một số công trình nhỏ để cấp nước, nhu cầu nguồn nước cho tưới, sinh hoạt, chăn nuôi, thủy sản, công nghiệp, du lịch và môi trường ở hạ du còn thiếu khoảng 124 triệu m³, dự kiến sẽ xây dựng hồ chứa nước Đồng Mít trên sông An Lão để bổ sung.

Như vậy, việc xây dựng hồ chứa nước Đồng Mít để điều tiết bổ sung nguồn nước còn thiếu cho hạ du phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội, quy hoạch thủy lợi; dự án sẽ góp phần phục vụ cho việc tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội 04 huyện An Lão, Hoài Ân, Hoài Nhơn và Phù Mỹ nói riêng và tỉnh Bình Định nói chung.

2. Sự tuân thủ quy định pháp luật trong nội dung hồ sơ trình thẩm định

Hồ sơ trình thẩm định đáp ứng theo quy định tại Điều 20, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, cụ thể:

- Tờ trình đề nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư;
- Báo cáo thẩm định nội bộ số 1967/BC-XD-TĐ ngày 08/12/2016 của Cục Quản lý xây dựng công trình - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Báo cáo thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn số 2671/BC-BKHĐT ngày 30/3/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- Thành phần, nội dung hồ sơ đáp ứng các quy định tại Khoản 2, Điều 7, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

3. Sự phù hợp với các mục tiêu chiến lược, kế hoạch và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng, lãnh thổ; quy hoạch phát triển ngành lĩnh vực

Dự án đã được đưa vào trong quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành và địa phương, cụ thể:

- Trong danh mục phê duyệt Quy hoạch tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 54/QĐ-TTg ngày 14/9/2009 về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Bình Định đến năm 2020 và số 1588/QĐ-TTg ngày 24/10/2012 về phê duyệt quy hoạch thủy lợi khu vực Miền Trung giai đoạn 2012-2020 và định hướng đến năm 2050 trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng.
- Trong danh mục phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cấp nước tỉnh Bình Định đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020 (Quyết định số 807/QĐ-UBND ngày 17/11/2006).
- Trong danh mục phê duyệt quy hoạch thủy lợi tỉnh Bình Định giai đoạn 2015-2020 tầm nhìn 2030 (Quyết định số 3487/QĐ-UBND ngày 07/10/2015 và số 1885/QĐ-UBND ngày 3/6/2015 của Chủ tịch UBND Tỉnh).
- Trong danh mục dự án đầu tư bằng vốn TPCP giai đoạn 2017-2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT (văn bản số số 556/BNN-KH ngày 16/01/2017).

4. Sự phù hợp tiêu chí phân loại dự án nhóm A

Dự án thuộc lĩnh vực thủy lợi có Tổng mức đầu tư dự kiến 2.143 tỷ đồng,

thuộc dự án nhóm A (theo quy định tại Khoản 3, Điều 8, Luật Đầu tư công 2014).

5. Các nội dung quy định tại Điều 35 của Luật Đầu tư công

5.1. Mục tiêu dự án:

Xây dựng hồ chứa điều tiết nguồn nước để cung cấp lượng nước còn thiếu vào mùa khô cho các ngành kinh tế, cải thiện môi trường sinh thái..., cắt giảm lũ cho hạ du, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội cho 04 huyện: An Lão, Hoài Ân, Hoài Nhơn và Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

5.2. Nhiệm vụ dự án

- Cung cấp nước để tưới cho 6.742 ha đất canh tác. Trong đó:

+ Cấp nước tưới cho 134 ha đất canh tác ven sông An Lão thuộc xã An Trung, huyện miền núi An Lão;

+ Cấp nước về đập Lại Giang đảm bảo tưới ổn định cho 4.010 ha đất canh tác của huyện Hoài Nhơn, trong đó: tưới tự chảy 3.279 ha, tạo nguồn cho các trạm bơm phục vụ tưới 531ha, cấp nước nuôi trồng thủy sản 200 ha.

+ Cấp nước ổn định cho các trạm bơm phục vụ tưới cho 725ha đất canh tác ven sông An Lão.

+ Cấp nước ổn định cho đập ngăn mặn sông Lại Giang đảm bảo cho các trạm bơm phục vụ tưới cho 900ha đất canh tác và 155 ha nuôi trồng thủy sản ven sông vùng hạ lưu sau đập Lại Giang.

+ Tạo nguồn cấp nước để phục vụ tưới cho 671 ha đất canh tác và 147 ha nuôi trồng thủy sản của các xã phía Bắc huyện Phù Mỹ, là vùng khô hạn nhất tỉnh do không có nguồn cung cấp nước hiện nay;

- Tạo nguồn cấp nước sinh hoạt 276.000 người;

- Tạo nguồn cấp nước cho công nghiệp 230 ha;

- Cắt giảm lũ cho hạ lưu;

- Cấp nước cải thiện môi trường sinh thái và chống xâm nhập mặn cho vùng hạ lưu;

- Kết hợp phát điện.

5.3. Cấp công trình và các chỉ tiêu thiết kế:

a) Cấp công trình: Theo Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng:

- Công trình đầu mối: cấp I.

b) Tần suất thiết kế: theo QCVN 04-05/2012.

- Tần suất lũ thiết kế:

$P = 0,5\%$;

- Tần suất lũ kiểm tra:

$P = 0,1\%$;

- Tần suất vượt lũ kiểm tra:

$P = 0,02\%$;

- Tần suất đảm bảo cấp nước tưới: $P = 85\%$;

- Tần suất đảm bảo cấp nước sinh hoạt, công nghiệp: $P = 90\%$;

5.4. Nội dung và quy mô đầu tư: (Chi tiết xem Phụ lục I kèm theo)

a) Giải pháp công trình

- Xây dựng đập ngăn sông tạo hồ chứa giữ nước trong mùa mưa, để cấp nước trong mùa khô và thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Dự kiến quy mô và thông số kỹ thuật cơ bản

- Vùng tuyến Đồng Mít, xã An Trung (vùng tuyến II - hạ lưu) để làm cơ sở khảo sát thiết kế cho giai đoạn sau.

- Hồ chứa: hồ điều tiết năm, dung tích toàn bộ $W_{tb} = 89,84$ triệu m^3 , dung tích hữu ích $W_{hi} = 74,89$ triệu m^3 , dung tích chết $W_c = 14,94$ triệu m^3 .

- Các hạng mục đầu mối:

+ Đập chính: đập bê tông đầm lăn, cao $H_{max} = 66,50$ m, dài $L = 353$ m.

+ Đập phụ: đập đất, cao $H_{max} = 28,0$ m, dài $L = 126$ m.

+ Tràn xả lũ chính: đặt giữa đập chính, tràn xả mặt là tràn tự do gồm 3 khoang $n \times B = 3 \times 10$ m, kết cấu BTCT; phía dưới là tràn xả sâu có cửa van ($n \times B \times H = 3 \times 10 \times 9$) m, $Q_{xả 0.1\%} = 4.458$ m^3/s , thân tràn bằng BT đầm lăn bọc BTCT, tiêu năng mũi phun.

+ Tràn dự phòng được bố trí 1 khoang cạnh tràn xả lũ, hình thức kết cấu như tràn xả lũ. Lưu lượng xả toàn bộ $Q^{P=0.02\%} = 5.996$ m^3/s .

+ Công lấy nước: Bê tông cốt thép, chảy có áp, lưu lượng $Q_{TK} = 19,7$ m^3/s .

- Công trình phục vụ thi công, quản lý, gồm: công trình dẫn dòng, đường thi công kết hợp quản lý, khu nhà quản lý, hệ thống điện, nước phục vụ thi công.

- Thiết bị, công nghệ.

+ Thiết bị cơ khí, gồm: 4 cửa van cung tràn xả lũ bằng thép đóng mở bằng xi lanh thủy lực, các phai thép; lưới chắn rác, cửa van công lấy nước, cửa van công xả sâu và thiết bị đóng mở.

+ Thiết bị điện, gồm: đường dây 22KV dài 4,0km, trạm biến áp 320 KVA, máy biến áp dự phòng.

+ Hệ thống quan trắc, giám sát, điều khiển, gồm: hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn phục vụ cho quá trình thiết kế, thi công và quản lý vận hành; hệ thống quan trắc các hạng mục công trình đầu mối; hệ thống điều khiển, giám sát tự động.

+ Thiết bị phục vụ quản lý vận hành, gồm: hệ thống thông tin liên lạc và các trang thiết bị phục vụ cho quản lý vận hành.

5.5. Dự kiến diện tích sử dụng đất và phương án về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Diện tích sử dụng đất: 726 ha, trong đó: đất lúa 1 vụ: 3 ha, đất lúa 2 vụ: 57,28 ha, đất màu: 16,98 ha, đất cây công nghiệp: 21,28 ha, đất rừng sản xuất: 57,80 ha, đất ờ: 29,20 ha, đất khác: 540,76 ha.

- Phương án về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

+ Tuyến đường tránh ngập dài 20,44 km, di chuyển đường điện 20,50 km.

+ Số hộ phải di dời: 449 hộ; dự kiến bố trí vào 2 khu tái định cư.

- Kinh phí: 733,539 tỷ đồng (bao gồm các chi phí khác kèm theo).

5.6. Sơ bộ tổng mức đầu tư, nguồn vốn, cơ cấu vốn

a) Tổng mức đầu tư: 2.142.996.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai nghìn một trăm bốn mươi hai tỷ, chín trăm chín mươi sáu triệu đồng).

Trong đó: (Chi tiết xem Phụ lục II kèm theo)

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:	604.611.716.000 đồng;
- Chi phí xây dựng:	893.007.768.465 đồng;
- Chi phí thiết bị:	169.056.032.154 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	15.726.501.520 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	105.742.088.404 đồng;
- Chi phí khác:	100.566.734.086 đồng;
- Chi phí dự phòng:	254.285.197.803 đồng.

b) Nguồn vốn và cơ cấu vốn đầu tư:

- Vốn trái phiếu Chính phủ do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý đầu tư để xây dựng công trình đầu mối, công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và các chi khác kèm theo: 2.002.154.193.000 đồng. Trong đó:

+ Vốn xây dựng công trình đầu mối hồ Đồng Mít và các chi khác kèm theo: 1.409.456.859.000 đồng.

+ Vốn thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (bao gồm thu dọn lòng hồ, xây dựng đường giao thông và đường điện tránh ngập) và các chi khác kèm theo: 592.697.334.000 đồng.

- Vốn ngân sách nhà nước: 140.841.846.000 đồng. Trong đó:

+ Vốn ngân sách trung ương đầu tư: 7.302.667.000 đồng (đã bố trí để chuẩn bị đầu tư).

+ Vốn ngân sách địa phương đầu tư thực hiện một phần công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và các chi khác kèm theo: 133.539.179.000 đồng.

5.7. Đánh giá sơ bộ hiệu quả kinh tế của dự án:

- Hệ số nội hoàn kinh tế: EIRR=12,24%;

- Tỷ số thu nhập/chi phí: B/C=1,219;

- Thu nhập ròng: NPV=364,464 tỷ đồng.

5.8. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường của dự án

- Dự án hồ chứa nước Đồng Mít có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển kinh tế, xã hội huyện An Lão và các huyện phía Bắc tỉnh Bình Định. Dự án hoàn thành đi vào vận hành khai thác sẽ có những tác động tích cực như: Đảm bảo cấp nước tưới cho sản xuất nông nghiệp, nâng cao đời sống nhân dân trong vùng dự án góp phần xóa đói giảm nghèo; tạo nguồn cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp và các ngành kinh tế khác; góp phần cải tạo môi trường khí hậu trong vùng;

- Trong quá trình xây dựng công trình có những tác động tiêu cực nhất định như: ngập đất, cơ sở hạ tầng, xáo trộn đời sống các hộ di dời... nhưng những tác động này là nhỏ và cục bộ có thể khắc phục bằng các biện pháp giảm thiểu.

5.9. Những vấn đề lưu ý trong giai đoạn sau:

- Cập nhật tài liệu khí tượng, thủy văn đến thời điểm hiện nay, kiểm tra, tính toán điều tiết để lựa chọn dung tích hồ hợp lý, đảm bảo tích đủ nước và cấp nước an toàn, thích ứng với biến đổi khí hậu; kiểm tra, rà soát phương án tăng quy mô tràn xả lũ để hạ thấp mực nước lũ và giảm chiều cao đập, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và tiết kiệm chi phí xây dựng.

- Đánh giá làm rõ về hiện trạng và năng lực tưới của: Hệ thống công trình đập Lại Giang; các trạm bơm ven sông An Lão; Xác định rõ hơn tính khả thi việc cấp nguồn cho khu tưới ở huyện Hoài Ân, Hoài Nhơn và Phù Mỹ; Rà soát số người được cung cấp nước sinh hoạt từ hồ Đồng Mít.

- Dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Nghiên cứu quyết định mực nước lũ thiết kế, kiểm tra hợp lý, tối ưu (giữa di dân và chống lũ hạ du) để lựa chọn cao trình giải phóng mặt bằng và di dân lòng hồ hợp lý, giảm ảnh hưởng đến xã hội, môi trường do di dân và tái định cư, tiết kiệm kinh phí. Nghiên cứu các tuyến đường lâm sinh phù hợp với tập quán canh tác, sinh hoạt của người dân, đảm bảo ổn định an toàn công trình.

- Rà soát về điều kiện nguồn nước để đề xuất quy mô hồ bảo đảm tận dụng trữ được nguồn nước, bố trí dung tích phòng lũ hiệu quả, hài hòa các mục tiêu có xét đến gia tăng nhu cầu sử dụng nước, diễn biến nguồn nước đến do biến đổi khí hậu.

- Đề nghị UBND tỉnh Bình Định cập nhật nhu cầu sử dụng đất của Dự án vào điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) của Tỉnh trình Chính phủ xem xét, phê duyệt.

- Trong quá trình triển khai Dự án, nếu phát hiện trong khu vực thực hiện

có khoáng sản có giá trị cao hơn khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, chủ đầu tư phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại Điều 65 của Luật Khoáng sản.

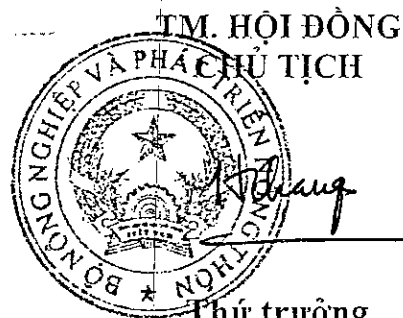
IV. KẾT LUẬN

Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Hồ chứa nước Đồng Mít, tỉnh Bình Định đủ điều kiện để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các bước tiếp theo.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định liên ngành về chủ trương đầu tư Dự án, đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT xem xét báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư Dự án./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC, TN&MT, XD;
- UBND tỉnh Bình Định;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cục Quản lý XDCT;
- Vụ Kế hoạch;
- Ban 6;
- Lưu: VT, XD (20).



Thủ trưởng
Bộ Nông nghiệp và PTNT
Hoàng Văn Thắng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 583/SY-UBND

SAO Y BẢN CHÍNH

Bình Định, ngày 12 tháng 4 năm 2017

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban QLDA Nông nghiệp và PTNT;
- LĐVP, K10;
- Lưu: VT (14b).



Nguyễn Đức Thi

Phụ lục I

QUY MÔ, THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHÍNH
DỰ ÁN HỒ CHỨA NƯỚC ĐỒNG MÍT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo báo cáo thẩm định số 09/BC-HĐTĐ ngày 04 / 4/2017 của HĐTĐ liên ngành)

TT	Các hạng mục chính	Đơn vị	Thông số
I	Các thông số thủy văn		
1	Diện tích lưu vực đến tuyến đập	km ²	160,30
2	Lưu lượng bình quân năm Q _o	m ³ /s	13,10
3	Lưu lượng đỉnh lũ P = 10 %	m ³ /s	2.178
4	Lưu lượng đỉnh lũ P = 0,50%	m ³ /s	5.102
5	Lưu lượng đỉnh lũ P = 0,10%	m ³ /s	6.101
6	Tổng lượng lũ W 10%	10 ⁶ m ³	130,40
7	Tổng lượng lũ W 0,5%	10 ⁶ m ³	261,50
8	Tổng lượng lũ W 0,1%	10 ⁶ m ³	348,60
II	Hồ chứa		
1	Mức nước dâng bình thường MNDBT	m	+101,10
2	Mức nước chết - MNC	m	+77,0
3	Dung tích toàn bộ V _{tb}	10 ⁶ m ³	89,84
4	Dung tích hữu ích - W _{hi}	10 ⁶ m ³	74,89
5	Dung tích hồ tại MNC	10 ⁶ m ³	14,94
III	Đập chính		
1	Hình thức kết cấu		Đập bê tông đầm lán
2	Cao trình đỉnh đập	m	110,40
3	Chiều rộng đỉnh đập	m	10
4	Chiều dài đập	m	353,0
5	Chiều cao đập lớn nhất	m	66,50
IV	Đập phụ		
1	Hình thức kết cấu		Đập đất đồng chất
2	Cao trình đỉnh đập	m	110,40
3	Chiều rộng đỉnh đập	m	6,0
4	Chiều dài đập	m	126,0
5	Chiều cao đập lớn nhất	m	28,0
V	Cống lấy nước		
1	Chiều dài	m	80
2	Mặt cắt cửa vào BxH	m x m	5,0 x 5,0
3	Đường kính ống thép	m	3,0
4	Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	19,70
5	Chế độ chảy		Có áp
VI	Cống xả cạn		

TT	Các hạng mục chính	Đơn vị	Thông số
1	Chiều dài	m	40
3	Mặt cắt BxH	mxm	3,0x3,0
4	Kết cấu		BTCT
VII	Trần xả lũ chính		
1	Trần xả mặt		
-	Hình thức trần		Trần tự do
-	Số khoang trần và kích thước khoang	nxm	3x10
2	Trần xả sâu		
-	Hình thức trần		Trần có cửa van
-	Cao trình ngưỡng trần	m	86,10
-	Số khoang trần và kích thước khoang	nmxm	3x10x9
3	Hình thức tiêu năng		Mũi phun
VIII	Trần dự phòng		
1	Lưu lượng thiết kế ($p=0,02\%$)	m^3/s	5,996
2	Số khoang trần và kích thước khoang	nxm	1x10

Phụ lục II

SƠ BỘ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

CHỦA NƯỚC ĐÔNG MÍT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Kèm theo báo cáo số 131/HĐTD ngày 04/4/2017 của Hội đồng thẩm định liên ngành

TT	Các khoản mục chi phí	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn		
			TƯCP	Ngân sách TW	Ngân sách ĐP
A	HỢP PHẦN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ	733 539 178 813	597 999 020 000	2 000 980 000	133 539 178 813
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và TĐC	604 611 715 813	514 611 715 813		90 000 000 000
2	Chi phí quản lý dự án	4 602 519 000	4 602 519 000		
3	Chi phí tư vấn	23 632 752 000	21 631 772 000	2 000 980 000	
4	Chi phí khác	34 006 812 000			34 006 812 000
5	Chi phí dự phòng	66 685 380 000	57 153 013 187		9 532 366 813
B	HỢP PHẦN CÔNG TRÌNH ĐẦU MỐI	1409 456 859 432	1404 155 172 827	5 301 686 605	
1	Chi phí xây dựng	893 007 768 466	893 007 768 466		
1	Công trình đầu mối	785 236 080 869	785 236 080 869		
2	Xây dựng công trình tạm, phụ trợ phục vụ thi công	90 173 262 293	90 173 262 293		
3	Chi phí xây dựng cơ - điện	17 598 425 303	17 598 425 303		
II	Chi phí thiết bị Cơ - điện	169 056 032 154	169 056 032 154		
III	Chi phí quản lý dự án	11 123 982 520	11 123 982 520		
IV	Chi phí tư vấn	82 109 336 404	76 807 649 799	5 301 686 605	
1	Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi	881 148 122	1 319 247 554	5 301 686 605	
2	Chi phí khảo sát + lập báo cáo nghiên cứu khả thi	5 739 786 037			
3	Khảo sát, lập TKKT, BVTC	44 937 791 535	44 937 791 535		
4	Chi phí tư vấn khác	30 550 610 710	30 550 610 710		
V	Chi phí khác	66 559 922 086	66 559 922 086		
VI	Chi phí dự phòng	187 599 817 803	187 599 817 803		
	TỔNG CỘNG	2.142.996.038.245	2.002.154.192.827	7.302.666.605	133.539.178.813
	LÀM TRÒN	2.142.996.000.000	2.002.154.000.000	7.303.000.000	133.539.000.000